

BÁO CÁO**sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 52-NQ/TW của Bộ Chính trị
về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia
cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư**

Qua 05 năm thực hiện Nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo kết quả như sau:

I- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là một xu thế lớn đang diễn ra trên toàn thế giới với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ mà nòng cốt là công nghệ số làm thay đổi nhanh chóng và mạnh mẽ hầu hết các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, đời sống văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh; mở ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức đối với mỗi quốc gia, tổ chức và cá nhân. Bên cạnh đó, tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, khó đoán định, nhất là cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung, xung đột vũ trang Nga - Ukraina, suy thoái kinh tế và biến đổi khí hậu, ... đã tác động, ảnh hưởng sâu sắc đến quá trình hội nhập và phát triển kinh tế của đất nước nói chung và tỉnh nói riêng.

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nghiên cứu nắm bắt, nâng cao năng lực tiếp cận và chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; kết cấu hạ tầng viễn thông được xây dựng khá đồng bộ; kinh tế số được hình thành, phát triển nhanh, ngày càng trở thành bộ phận quan trọng của nền kinh tế; công nghệ số được áp dụng trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ; xuất hiện ngày càng nhiều hình thức kinh doanh, dịch vụ mới, xuyên quốc gia, dựa trên nền tảng công nghệ số và Internet đang tạo nhiều cơ hội việc làm, thu nhập, tiện ích, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; việc xây dựng Chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số được triển khai quyết liệt, bước đầu đạt được nhiều kết quả tích cực. Quá trình đó đã có nhiều tác động mạnh mẽ đến hoạt động của địa phương trong quá trình thực hiện Nghị quyết 52-NQ/TW, đặc biệt là trong công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là yêu cầu tất yếu khách quan, là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài đối với các ngành, lĩnh vực.

II- CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, QUẢN TRIỆT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Quản triệt Nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, bằng nhiều hình thức phù hợp và đạt hiệu quả cao. Ngày 03/01/2020, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức kết nối Hội nghị báo cáo viên toàn quốc trực tuyến của Ban Tuyên giáo Trung ương để quán triệt Nghị quyết 52-NQ/TW của Bộ Chính trị đến các cấp ủy, chính quyền, các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp tỉnh, huyện; sau đó, các cấp ủy tiếp tục triển khai học tập, quán triệt Nghị quyết 52-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động 52-CTr/TU ngày 22/01/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân; tài liệu học tập thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương và Chương trình hành động 52-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Qua triển khai, đã góp phần nâng cao nhận thức, ý thức hành động và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong việc chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Hàng năm, các sở, ngành phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Ấp Bắc và các đơn vị liên quan thực hiện tuyên truyền về vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh; Chính phủ điện tử, dịch vụ công trực tuyến, xây dựng thành phố Mỹ Tho thành đô thị thông minh. Đã tổ chức hội nghị, hội thảo về chính quyền điện tử, cách mạng công nghiệp 4.0 như: hội thảo xây dựng chính quyền số tỉnh Tiền Giang; hội thảo khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo lĩnh vực ICT Tiền Giang; hội thảo ứng dụng IoT trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng thành phố thông minh.

III- KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thể chế hóa các quan điểm chỉ đạo, thực hiện mục tiêu đề ra về chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động 52-CTr/TU ngày 22/01/2020 thực hiện Nghị quyết 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết 07-NQ/TU ngày 26/7/2021 về lãnh đạo nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2025; Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 06/10/2021 về chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch 117-KH/BTGTU ngày 10/02/2020 về học tập, quán triệt Nghị quyết 52-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình

hành động 52-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch 109/KH-UBND ngày 26/4/2018 về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định 605/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 về phê duyệt Đề án chính quyền số tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch hành động 262/KH-UBND ngày 27/8/2021 thực hiện Nghị quyết 07-NQ/TU ngày 26/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch 370/KH-UBND ngày 06/12/2021 về Chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và nhiều văn bản khác có liên quan (*Phụ lục danh mục các văn bản kèm theo*).

Các cấp ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã quán triệt, nâng cao nhận thức sâu sắc lợi ích của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế đã xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết 52-NQ/TW và Chương trình hành động 52-CTr/TU, gắn các mục tiêu, nhiệm vụ tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng - an ninh của các cấp, các ngành; chú trọng thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên tất cả các ngành, lĩnh vực và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, trọng tâm là phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

2. Kết quả thực hiện các nhóm chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

2.1. Đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý nhà nước, phát huy sự tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số

Sau 05 năm thực hiện Nghị quyết 52-NQ/TW, nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư được nâng lên; nhận thức sâu sắc sự tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến các hoạt động từ kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, quốc phòng - an ninh,..; chú trọng thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên các ngành, lĩnh vực và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, trọng tâm là phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số.

Đến nay, tất cả các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể đã triển khai thực hiện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết 52-NQ/TW và Chương trình hành động 52-CTr/TU; tận dụng có hiệu quả các cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại để thúc đẩy quá

trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế của tỉnh gắn với thực hiện các đột phá chiến lược và hiện đại hóa đất nước; phát triển mạnh mẽ kinh tế số; phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng cuộc sống, phúc lợi của người dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái.

2.2. Hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi cho chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số quốc gia

Đã triển khai kịp thời, đầy đủ các chính sách tạo thuận lợi cho chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số quốc gia. Tạo thuận lợi về mặt thể chế cho người dân và doanh nghiệp nắm bắt cơ hội, chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số của tỉnh; chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương thường xuyên rà soát các cơ chế, chính sách, pháp luật thuộc các ngành, lĩnh vực, đề xuất xây dựng, sửa đổi kịp thời đảm bảo phù hợp với tình hình, đặc thù của tỉnh; đồng thời, kịp thời có kiến nghị, đề xuất với các cơ quan Trung ương. Trong đó, chú trọng các chính sách, quy định về thúc đẩy chuyển đổi số, sở hữu trí tuệ và đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh,...

a) Thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội: Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 06/10/2021 về chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định 605/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 về phê duyệt Đề án chính quyền số tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch 370/KH-UBND ngày 06/12/2021 về chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

b) Hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp: Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết 07-NQ/TU ngày 26/7/2021 về lãnh đạo nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2025. Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết 29/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch 331/KH-UBND ngày 22/11/2018 triển khai thực hiện Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch 224/KH-UBND ngày 16/7/2021 thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030; Kế hoạch hành động 262/KH-UBND ngày 27/8/2021 thực hiện Nghị quyết 07-NQ/TU ngày 26/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 24/02/2022 về hỗ trợ pháp lý cho

doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh năm 2022; Kế hoạch 203/KH-UBND ngày 10/6/2022 hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025; hàng năm ban hành các Kế hoạch để thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia như: Kế hoạch hành động 58/KH-UBND ngày 08/3/2019; Kế hoạch 02/KH-UBND ngày 02/01/2020; Kế hoạch 26/KH-UBND ngày 29/01/2021; Kế hoạch 21/KH-UBND ngày 19/01/2022; Kế hoạch 20/KH-UBND ngày 19/01/2023; Kế hoạch 20/KH-UBND ngày 19/01/2024.

c) *Về sở hữu trí tuệ và đổi mới sáng tạo*: Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết 05/2021/NQ-HĐND ngày 17/9/2021 quy định nội dung, mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh đến năm 2025; Nghị quyết 06/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định 2722/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 về Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh giai đoạn 2017-2020; Quyết định 2952/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 về Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025; Kế hoạch 07/KH-UBND ngày 11/01/2022 thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ và Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

2.3. Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

a) *Về hạ tầng số*: Đã chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 07 doanh nghiệp¹ đầu tư, xây dựng hạ tầng, cung cấp các dịch vụ viễn thông với tổng số thuê bao internet đạt trên 1,9 triệu thuê bao, bình quân đạt 109 thuê bao/100 dân. Các cơ quan Đảng, đoàn thể và cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh đều có hệ thống mạng nội bộ (LAN) và kết nối Internet băng thông rộng; 100% cán bộ, công chức, viên chức nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đều được trang bị máy tính phục vụ công việc. Hạ tầng truyền dẫn cáp quang, cáp đồng được triển khai rộng khắp; mạng viễn thông đã kết nối thông suốt đến các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; mạng di động 3G, 4G phủ sóng 100% địa bàn và có 04 vị trí phát sóng 5G thử nghiệm. Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh được đầu tư, nâng cấp để cung cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho hoạt động của các phần mềm ứng dụng dùng chung của tỉnh. Hệ thống bảo mật, an ninh thông tin được đầu tư mới với trang thiết bị tường lửa (FireWall), hệ thống chống thư rác (Spam) và

¹ Viettel, Viễn thông Tiền Giang, Mobifone, VietNammobile, FPT, VTVCab, SCTV

các phần mềm phòng, chống virus.

b) *Kinh tế số và xã hội số*: Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch 236/KH-UBND ngày 15/7/2022 về hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Kế hoạch 394/KH-UBND ngày 19/12/2022 về triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh. Toàn tỉnh hiện có 6.066 doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó có 5.776 doanh nghiệp nhỏ và vừa; việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các doanh nghiệp được triển khai mạnh mẽ; các doanh nghiệp đã bắt đầu tiếp cận và sử dụng các nền tảng chuyển đổi số phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, ứng dụng rộng rãi các hình thức thanh toán điện tử... Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt 91,6%; tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong giao dịch đạt 41,2%. Kinh tế số được đẩy mạnh và triển khai rộng khắp các lĩnh vực kinh tế. Việc phát triển kinh tế số đã thay đổi hoàn toàn nhận thức, cách làm truyền thống của người dân, hộ gia đình về tiêu thụ sản phẩm trên không gian số, sàn thương mại điện tử, mở rộng không gian tiêu thụ sản phẩm ra toàn quốc. Kinh tế số nông nghiệp nông thôn tiếp tục duy trì phát triển nhanh và bền vững trên các sàn giao dịch điện tử như: Sàn thương mại điện tử Quốc gia - Bưu điện Việt Nam (Portmart.vn); Voso.vn; Sàn giao dịch thương mại điện tử Tiền Giang (sangiaodich.tiengiang.gov.vn), góp phần giới thiệu, quảng bá, kết nối cung, cầu, thúc đẩy tiêu thụ các sản phẩm nông sản của tỉnh. Xã hội số các hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt được thúc đẩy triển khai mạnh mẽ; đến nay, 100% các cơ sở y tế, cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt.

c) *Về xây dựng thành phố Mỹ Tho thành đô thị thông minh*, đã đưa vào vận hành, khai thác Trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC) thành phố Mỹ Tho, bước đầu vận hành trên cơ sở chia sẻ các dữ liệu từ IOC Tiền Giang; từng bước tích hợp xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố và các ngành chức năng. Triển khai đầu tư hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông cho 5/17 đơn vị hành chính cơ sở². Thí điểm ứng dụng chiếu sáng thông minh, điều khiển trên phần mềm điện thoại, Web và đã tích hợp 26 tuyến đường vào Hệ thống IOC của thành phố để vận hành và quản lý. Ứng dụng tuyển sinh đầu cấp trực tuyến được cài đặt và sử dụng tại 100% các trường công lập trên địa bàn thành phố. Triển khai lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh trật tự, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường gồm 189 camera; trong đó, có 48 camera thông minh phục vụ tốt cho việc xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông và phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Hệ thống quan trắc môi trường, tiếp tục vận hành 02 trạm quan trắc trên sông Tiền đưa thông tin lên phần mềm điện thoại TiengiangS để phục vụ rộng rãi cho người dân trong công tác

² phường 6, phường 9, phường 10, xã Trung An, xã Phước Thạnh

phòng, chống hạn mặn. Thực hiện tiếp nhận và xử lý các phản ánh, kiến nghị trên tổng đài 1022 liên quan đến công tác chỉnh trang đô thị, vệ sinh môi trường. Hiện đang đầu tư mở rộng hệ thống camera giám sát an ninh trật tự, an toàn giao thông; nâng cấp IOC giai đoạn 1; Hệ thống thông tin quản lý đô thị; ứng dụng tuyển sinh trực tuyến; Hệ thống Callbot, Chatbot giai đoạn 1; Hệ thống giám sát thông tin trên môi trường mạng; Bản đồ số du lịch. Dự thảo Đề án triển khai đô thị thông minh thành phố Mỹ Tho giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030.

2.4. Phát triển và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo

- Đã quan tâm đẩy mạnh thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; tập trung phát triển kinh tế số, xã hội số; phát triển hạ tầng số, phát triển nguồn nhân lực; khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo. Giai đoạn 2019-2024, tỉnh đã triển khai 84 nhiệm vụ khoa học và công nghệ (47 cấp tỉnh, 37 cấp cơ sở)³; nghiệm thu và đưa vào ứng dụng 52 nhiệm vụ khoa học và công nghệ (38 cấp tỉnh, 14 cấp cơ sở), đạt 100% tổng số nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu. Hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ đã khẳng định vị trí, vai trò tiên phong trong việc chuyển tải hiệu quả ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống, phục vụ trực tiếp cho việc nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh. Phần lớn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu đưa vào ứng dụng đã bước đầu phát huy hiệu quả, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp của tỉnh nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa⁴. Thông qua các hoạt động đó đã góp phần tăng năng suất lao động; tránh lãng phí, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng; nâng cao chất lượng sản phẩm; nâng cao khả năng cạnh tranh; phát triển thương hiệu sản phẩm; bảo vệ môi trường; an toàn sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện tốt các hoạt động hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh⁵; bước đầu xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi

³ Trong đó, lĩnh vực nông nghiệp chiếm 51,45%, công nghệ - kỹ thuật chiếm 17,1%, văn hóa - xã hội chiếm 26,15%, y tế chiếm 5,3%.

⁴ hỗ trợ 09 doanh nghiệp thực hiện chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; 36 lượt doanh nghiệp xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng (ISO 9001; ISO 22000; HACCP...); 15 lượt doanh nghiệp tham gia và đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia; hỗ trợ xây dựng 20 nhãn hiệu tập thể, 07 nhãn hiệu chứng nhận, 02 chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm nông sản đặc sản của tỉnh và đã hướng dẫn lập hồ sơ đăng ký 331 nhãn hiệu, 01 kiểu dáng công nghiệp, 09 sáng chế/Giải pháp hữu ích; gia hạn 43 Giấy chứng nhận nhãn hiệu; sửa đổi văn bằng 02 Giấy chứng nhận nhãn hiệu; chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp 01 Giấy chứng nhận nhãn hiệu.

⁵ tổ chức 02 Cuộc thi “Sinh viên khởi nghiệp sáng tạo” năm 2019, 2020; Cuộc thi “Ý tưởng, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Tiền Giang” năm 2023; tổ chức các hội thảo khoa học về khởi nghiệp và đổi mới sáng

mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh; lan tỏa tinh thần khởi nghiệp, cung cấp kiến thức khởi nghiệp, tìm kiếm, tôn vinh những ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp của thanh niên, doanh nghiệp; thu hút sự quan tâm, hỗ trợ của nhà trường, xã hội đối với các ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp của sinh viên, doanh nghiệp.

2.5. Phát triển nguồn nhân lực

Hàng năm, tỉnh thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức từ cơ bản đến nâng cao về công nghệ thông tin phục vụ công tác đảm bảo an toàn thông tin; quản trị, vận hành các hệ thống, các phần mềm ứng dụng; chuyển đổi số, cập nhật kiến thức chuyển đổi số, kỹ năng sử dụng, khai thác các dịch vụ công trực tuyến, bảo mật an ninh thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng công nghệ thông tin chuyên sâu. Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện, xã thường xuyên sử dụng máy tính để xử lý công việc đạt 100%; 100% các ban, sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đều có bố trí cán bộ chuyên trách hoặc phụ trách về công nghệ thông tin. Tỉnh đã triển khai thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng của 100% xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Toàn tỉnh đã thành lập 1.264 Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp với 8.123 thành viên và thường xuyên được tập huấn, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số.

2.6. Phát triển các ngành và công nghệ ưu tiên

a) Ngành Y tế:

Tiếp tục triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động của ngành⁶; đồng thời, tăng cường hợp tác ứng dụng và tiếp nhận chuyển giao công nghệ y học hiện đại⁷. 100% cơ sở khám chữa bệnh trong tỉnh sử dụng tốt phần mềm quản lý khám chữa bệnh và thanh toán Bảo hiểm y tế; triển khai tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành nghề Y - Dược tư nhân; triển khai tốt công tác thông tin thống kê y tế theo quy định của Bộ Y tế; các cơ sở khám chữa bệnh đẩy mạnh triển khai tin học hóa trong thanh toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm

tạo; tổ chức 08 lớp đào tạo, tập huấn về kỹ năng cho người khởi nghiệp, thiết kế và vận hành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo địa phương, nâng cao năng lực của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tổ chức thực hiện 03 chuyên mục truyền hình nhằm thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về các hoạt động thúc đẩy phong trào hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, giới thiệu điển hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành công của tỉnh; tuyên truyền các cơ chế, chính sách có liên quan đến hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của quốc gia, của tỉnh cho các tổ chức, cá nhân, học sinh, sinh viên, thanh niên trên địa bàn tỉnh.

⁶ nâng cấp, hoàn thiện hệ thống mạng và trang thiết bị (máy tính, máy in, máy đọc mã vạch, máy scan...) cho các trạm y tế xã, phường, thị trấn và các phòng khám đa khoa; xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu của ngành Y tế, bệnh viện không phim tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh, phần mềm cảnh báo tương tác thuốc, hệ thống mạng cho các cơ sở bán lẻ thuốc trên toàn tỉnh; phần mềm quản lý y tế cơ sở cho trạm y tế xã, phường, thị trấn; phần mềm quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân; bệnh án điện tử; cung cấp dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến; tiến tới thực hiện y tế thông minh.

⁷ thực hiện Đề án khoa/bệnh viện vệ tinh; Đề án hợp tác Y tế Thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang, Cần Thơ - Tiền Giang; thực hiện lộ trình hiện đại hóa kỹ thuật y tế, ưu tiên các lĩnh vực chẩn đoán hình ảnh, chẩn đoán hóa sinh, lý sinh, miễn dịch, di truyền, sinh học phân tử, công nghệ gen; ứng dụng công nghệ chẩn đoán, tư vấn, hội chẩn, điều trị từ xa (Telemedicine), ứng dụng và tiếp nhận các công nghệ tiên tiến khác trong lĩnh vực y tế dự phòng...; tiếp nhận chuyển giao và ứng dụng các kỹ thuật và công nghệ tiên tiến về tim mạch, nội soi, chỉnh hình, ghép tạng, điều trị ung thư.

y tế, đảm bảo trích xuất đầy đủ dữ liệu yêu cầu thanh toán bảo hiểm y tế; mã hóa dữ liệu theo bộ mã danh mục dùng chung theo quy định của Bộ Y tế. Triển khai tốt đường truyền dữ liệu y tế từ xã đến huyện - tỉnh; phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử tại các cơ sở y tế. Các bệnh viện tuyến tỉnh (Bệnh viện Đa khoa Tiền Giang, Bệnh viện Đa khoa Khu vực: Cai Lậy, Gò Công) triển khai tốt quản lý cơ sở dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh, hình ảnh học trên nền tảng số hóa.

b) Ngành Giáo dục và Đào tạo:

Đã triển khai và sử dụng tốt các hệ thống thông tin ngành; triển khai có hiệu quả Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo điều hành, đào tạo giảng dạy, đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; xây dựng kho bài giảng e-Learning trực tuyến; quản lý sổ điểm điện tử SMAS, học bạ điện tử; triển khai kho học liệu số dùng chung cho giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tại địa phương; triển khai hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến của các môn học và phần mềm kiểm tra, đánh giá tập trung qua mạng phục vụ học sinh, giáo viên giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tại địa phương; triển khai nhiều dịch vụ và ứng dụng công nghệ thông tin có hiệu quả trong ngành giáo dục⁸, hệ thống thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu số hóa sách và tài liệu phục vụ dạy học), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục,...

c) Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Thực hiện phát triển nông nghiệp theo hướng ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh vào sản xuất; ứng dụng công nghệ trong theo dõi côn trùng vào bẫy đèn, sử dụng thiết bị giám sát sâu rầy thông minh giúp dự báo được tình hình phát sinh phát triển các lứa rầy và các sinh vật gây hại khác, là cơ sở thực tiễn để bố trí lịch thời vụ xuống giống né rầy đạt hiệu quả, góp phần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số phục vụ công tác dự báo; xây dựng và nhân rộng các mô hình trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản theo quy trình kỹ thuật GAP có ứng dụng công nghệ tiên tiến, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản.

Tập trung xây dựng, vận hành các ứng dụng phục vụ công tác quản lý, điều hành và nhu cầu tra cứu thông tin trên môi trường mạng⁹; theo dõi, cập nhật dữ

⁸ phần mềm quản lý nhà trường theo hướng trực tuyến (VNEDU, SMAS 3.0), phần mềm hóa đơn điện tử, phần mềm kê khai bảo hiểm xã hội, phần mềm kế toán MISA giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt các khoản thu trong nhà trường; kết nối phần mềm quản lý tài chính của cơ sở giáo dục với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt (hiện có 469/509 đơn vị đã trang bị Phần mềm Emis- khoản thu).

⁹ hệ thống thông tin nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phần mềm dữ liệu nông nghiệp; phần mềm ứng dụng phòng chống thiên tai; phần mềm hỗ trợ việc điều hành, quản lý, ứng phó trong công tác sơ tán dân để phòng chống

liệu trên các hệ thống dữ liệu của các lĩnh vực cây trồng, vật nuôi, thủy sản, lâm nghiệp do các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý. Thực hiện nhập dữ liệu sản xuất lúa trên hệ thống tích hợp theo dõi, quản lý và báo cáo hoạt động sản xuất lúa (RiceMo), với nền tảng Web và Mobile; qua đó đã góp phần vào việc lưu trữ bộ số liệu lúa cho địa phương và thay thế dần cơ chế báo cáo thủ công hiện đang áp dụng. Ứng dụng “Hệ thống phần mềm truy xuất nguồn gốc thủy sản điện tử” (eCDT) nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và đơn giản hóa thủ tục, giấy tờ liên quan. 100% tàu cá nhập - xuất cảng đều thực hiện nhập liệu trên hệ thống eCDT.

d) Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Tiếp tục thực hiện các chính sách về ứng dụng, phát triển công nghệ trong lĩnh vực văn hóa, góp phần thực hiện “Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”, trong đó xem “du lịch văn hóa” là một trong số các ngành công nghiệp văn hóa. Đã hoàn thành bộ sản phẩm du lịch thông minh (mytiengiang.vn) với những sản phẩm: cổng thông tin du lịch, Bản đồ du lịch, hệ thống wifi thông minh trên phạm vi toàn tỉnh; xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu của ngành văn hóa, thể thao và du lịch nhằm hỗ trợ trong công tác quản lý thông tin trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình. Sử dụng công nghệ số để đánh giá tình trạng sức khỏe cho mọi người, hướng dẫn tập luyện phù hợp với lứa tuổi; với thể thao thành tích cao, áp dụng ứng dụng này để đánh giá tình trạng tuyển chọn vận động viên, tiết kiệm thời gian, kinh phí; số hóa các bài tập, từng môn tập và kiểm tra, đánh giá các vận động viên vào cuối năm được tối ưu hóa bằng các chỉ số.

e) Ngành Tài nguyên và môi trường: Đã triển khai có hiệu quả các phần mềm chuyên ngành phục vụ cho hoạt động Quản lý hồ sơ chuyên ngành tài nguyên và môi trường; Quản lý kho lưu trữ hồ sơ chuyên ngành tài nguyên và môi trường; Thống kê dữ liệu quan trắc nước dưới đất, GDS, Vilis, Famis, Maptrans, TK05, CT03, Geo Tools, Mapinfo, Autodesk, ArcGis, CesData, nhập liệu hồ sơ; kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tích hợp trên một cửa điện tử, hỗ trợ tổ chức và cá nhân trong việc kê khai các mẫu đơn, tờ khai thuế trên phần mềm Một cửa điện tử, hoàn chỉnh phần mềm Quản lý đất công; hệ thống thu thập, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang; hệ thống tiếp nhận dữ liệu quan trắc nước thải tự động liên tục của các cơ sở kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

2.7. Hội nhập quốc tế

Hoạt động hội nhập quốc tế của tỉnh được triển khai bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước; hoạt động hội nhập quốc tế ngày càng đi vào thực chất, lấy hội nhập kinh tế làm trọng tâm và hội nhập các lĩnh vực khác tạo

điều kiện thuận lợi cho công tác xúc tiến, vận động, thu hút các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Chú trọng rà soát, điều chỉnh, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan hoạt động đối ngoại đảm bảo tính đồng bộ, tạo hành lang pháp lý thống nhất, giúp công tác chỉ đạo của Đảng và quản lý điều hành về mặt nhà nước trong lĩnh vực đối ngoại, hội nhập quốc tế. Đã tăng cường công tác ngoại giao kinh tế và hội nhập quốc tế theo tinh thần Chỉ thị 41-CT/TW ngày 15/4/2010 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ngoại giao kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; Nghị quyết 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 về hội nhập quốc tế của Bộ Chính trị và Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Trong đó, tập trung vào công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, hỗ trợ, phát triển nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp thông qua các buổi tập huấn, cung cấp thông tin thị trường cho doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn trong quá trình xuất nhập khẩu.

2.8. Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp

Tiếp tục duy trì, cập nhật kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Tiền Giang, phiên bản 2.0 phù hợp khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 2.0; Khung Kiến trúc ICT đô thị thông minh tỉnh Tiền Giang, phiên bản 1.0. Đã triển khai Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Tiền Giang và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia để khai thác các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của quốc gia; ngoài ra, đã triển khai Kho dữ liệu của tổ chức, cá nhân để tích hợp, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu với Hệ thống Cổng Dịch vụ công. Đã kết nối, tích hợp 14/23 hệ thống/cơ sở dữ liệu của tỉnh với phần mềm, hệ thống ứng dụng các Bộ, ngành Trung ương¹⁰ và đang triển khai kết nối khai thác các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin đã sẵn sàng trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia. Triển khai xây dựng và đưa vào khai thác sử dụng 07 hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu (HTTT/CSDL) các ngành, từng bước hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh

¹⁰ CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp - Bộ Kế hoạch và Đầu tư; CSDL quốc gia về dân cư - Bộ Công an; CSDL quốc gia về bảo hiểm - Bảo hiểm Xã hội Việt Nam; CSDL đất đai quốc gia (phần hệ tập trung tại Bộ Tài nguyên và Môi trường); CSDL quốc gia về cán bộ, công chức - Bộ Nội vụ; CSDL quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp; Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến - Bộ Tư pháp; Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch - Bộ Tư pháp; Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam - Bộ Thông tin và Truyền thông; Công liên thông Tài nguyên môi trường - Thuế - Bộ Tài nguyên và Môi trường; Hệ thống quản lý giao thông vận tải - Bộ Giao thông vận tải; Cổng dịch vụ công của Bộ Xây dựng; Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu trợ giúp xã hội; Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam.

phục vụ kết nối, chia sẻ với các HTTT/CSDL của Bộ, ngành trong công tác quản lý nhà nước¹¹.

Các nền tảng, hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh tiếp tục được nâng cấp, duy trì hoạt động ổn định và có hiệu quả, cụ thể:

- Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành, đã triển khai cho 45 cơ quan, đơn vị¹² và tạo lập, chuyển đổi 1.174 mã định danh điện tử phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu, gửi nhận liên thông 4 cấp qua Trục liên thông văn bản quốc gia và được tích hợp chữ ký số đảm bảo giá trị pháp lý cho gửi, nhận văn bản điện tử.

- Hệ thống họp trực tuyến 02 chiều (hội nghị truyền hình trực tuyến), tỉnh hiện có 207 điểm cầu¹³ phục vụ tốt các cuộc họp giữa tỉnh với Trung ương và với các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

- Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh được duy trì hoạt động ổn định, đã cấp trên 11.000 tài khoản, đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đều có hộp thư điện tử công vụ phục vụ trao đổi công việc mở rộng đến các đơn vị sự nghiệp, cơ quan Đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc đạt trên 50%.

- Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Tiền Giang đáp ứng đầy đủ chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định, đã tạo 150 mẫu báo cáo trên hệ thống và thực hiện kết nối liên thông Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ thông qua Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong việc cung cấp số liệu báo cáo.

- Hệ thống giám sát, điều hành an ninh trật tự của tỉnh được tích hợp từ các hệ thống camera của ngành Công an với tổng số 335 Camera quan sát, trong đó có 80 Camera thông minh; Trung tâm Giám sát điều phối đô thị thông minh đã phối hợp với Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan triển khai thí điểm xử lý vi phạm giao thông trên các tuyến đường có gắn camera thông minh.

- Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị (Tổng đài dịch vụ công 1022 Tiền Giang) là kênh tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức trên môi trường mạng; đã đáp ứng nhu cầu thông tin và việc tiếp nhận, phản hồi các

¹¹ Hệ thống thông tin quản lý cơ sở hạ tầng đa ngành; Hệ thống kết nối thông tin nông nghiệp, nông dân, nông thôn tỉnh Tiền Giang; Cơ sở dữ liệu ngành công an (lớp bản đồ bảo vệ mục tiêu); Hệ thống thông tin Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông vận tải; Cơ sở dữ liệu ngành y tế (đã tích hợp và đồng bộ dữ liệu tự động từ các cơ sở y tế trên địa bàn); Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục (đã tích hợp và đồng bộ dữ liệu tự động từ các cơ sở giáo dục trên địa bàn); Cơ sở dữ liệu ngành Văn hóa thể thao và du lịch.

¹² gồm: Ủy ban nhân dân tỉnh; 33 sở, ban, ngành; 11 Ủy ban nhân dân cấp huyện

¹³ gồm: 04 điểm cầu tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; 22 điểm cầu tại các sở, ban, ngành, 11 điểm cầu tại Ủy ban nhân dân cấp huyện và 172 điểm cầu tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức; từng bước tạo được niềm tin của người dân, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

- Hệ thống Cổng thông tin điện tử của tỉnh gồm 01 cổng chính và 200 trang thông tin điện tử thành phần¹⁴. Cổng thông tin điện tử tỉnh và trang thông tin điện tử thành phần thường xuyên cung cấp, cập nhật thông tin theo đúng quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. Trang thông tin điện tử chuyển đổi số (<http://chuyendoiso.tiengiang.gov.vn>) của tỉnh thường xuyên cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số theo các nội dung xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Cổng Dịch vụ công của tỉnh, đã cung cấp cập nhật đầy đủ các thủ tục hành chính của tỉnh; công khai toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục hành chính, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; đồng thời, cung cấp tất cả các dịch vụ công đủ điều kiện lên dịch vụ công trực tuyến toàn trình và tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định. Đã kết nối với Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cổng thanh toán trực tuyến Quốc gia phục vụ công tác giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, đồng thời đã tích hợp định danh, xác thực với Cổng Dịch vụ công quốc gia, người dân, doanh nghiệp có thể đăng nhập bằng tài khoản dịch vụ công hoặc tài khoản định danh điện tử VneID mức độ 2.

3. Tồn tại, hạn chế

- Mức độ tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn thấp, việc đổi mới mô hình tăng trưởng còn chậm, chưa tạo được sự chuyển biến căn bản về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các ngành kinh tế; việc ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa nhiều, chưa thật sự là động lực phát triển; hạ tầng phục vụ quá trình chuyển đổi số còn nhiều hạn chế, chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu; nhiều doanh nghiệp năng lực tiếp cận, ứng dụng công nghệ hiện đại còn thấp; việc đấu tranh với tội phạm, bảo đảm an ninh mạng còn nhiều thách thức.

- Vẫn còn một số ít các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp chưa quan tâm đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan khi có yêu cầu; việc đăng tải dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh có rất ít ý kiến tham gia đóng góp. Một số cơ quan, đơn vị chưa chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành chủ trương, chính sách pháp luật nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, kinh tế số, chính quyền số, tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các thành tựu khoa học và công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của các ngành kinh tế trọng điểm của địa phương.

¹⁴ Gồm: 19 sở, ban, ngành; 11 Ủy ban nhân dân cấp huyện và 170 xã, phường, thị trấn.

Nhân lực công nghệ thông tin ở các cơ quan, đơn vị hầu hết là công chức kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ về chuyển đổi số nên gặp nhiều khó khăn trong việc tham mưu cho cơ quan, đơn vị về chuyển đổi số ở một số ngành, lĩnh vực. Kinh phí đầu tư để phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở dữ liệu, đổi mới khoa học và công nghệ là rất lớn nhưng nguồn lực của tỉnh còn hạn chế, chưa đáp ứng mục tiêu đề ra.

IV- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Dự báo bối cảnh, tình hình quốc tế, trong nước

Trong giai đoạn 10 năm tới, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động mạnh mẽ trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh,... với sự phát triển không ngừng của khoa học và công nghệ, nòng cốt là công nghệ số sẽ mở ra nhiều công nghệ mới được phát triển mạnh mẽ và ứng dụng rộng rãi, tăng cường gắn kết khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với phát triển kinh tế - xã hội và môi trường; phân hóa mạnh mẽ trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giữa các nước trên thế giới; sự dịch chuyển của chuỗi sản xuất cung ứng trên thế giới; cạnh tranh chiến lược, chiến tranh thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên, thị trường, công nghệ, nhân lực chất lượng cao giữa các nước sẽ ngày càng quyết liệt;... Bên cạnh đó, những thay đổi về cách thức giao tiếp trên Internet cũng đặt con người vào nhiều nguy hiểm về tài chính, sức khỏe; việc đấu tranh với tội phạm, bảo đảm an ninh mạng còn nhiều thách thức.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

- Tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền về tính cấp thiết phải chủ động tham gia có hiệu quả cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phát triển Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh, xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Chủ động, sáng tạo thực thi các chính sách của nhà nước để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên tất cả các ngành, lĩnh vực, trọng tâm là phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số; tạo môi trường thuận lợi và hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm để người dân và doanh nghiệp tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phát huy sự tham gia có hiệu quả của các cấp, các ngành, chính quyền, đoàn thể, các đối tượng chịu tác động của chính sách vào quá trình hoạch định và giám sát thực thi các chính sách về tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Xây dựng cơ chế hợp tác giữa các cấp trong xây dựng và thực thi các chính sách, chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư theo Nghị quyết 52-NQ/TW và Nghị quyết 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ.

- Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, trường đại học và viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu. Khuyến khích, tạo

điều kiện thuận lợi cho các trường đại học, doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước thành lập trung tâm đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ nước ngoài và các đối tác quốc tế cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, chuyển giao công nghệ. Đẩy mạnh ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ; đầu tư cơ sở vật chất, thúc đẩy nghiên cứu, triển khai và hội nhập thị trường khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế.

- Tập trung thúc đẩy phát triển hạ tầng các ngành, lĩnh vực quan trọng, thiết yếu nhất là hạ tầng kết nối số gắn với bảo đảm an toàn, an ninh mạng; ưu tiên đầu tư hạ tầng phát triển công nghệ sinh học phục vụ cho nông nghiệp, y tế, bảo vệ môi trường; phát triển hạ tầng công nghệ thông tin của tỉnh đáp ứng nhu cầu triển khai xây dựng chính quyền điện tử và đô thị thông minh, đảm bảo an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin của tỉnh. Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp ứng dụng thành tựu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong phát triển kinh tế số và nâng cao năng suất lao động.

- Đẩy nhanh quá trình thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong các cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội từ tỉnh đến cấp huyện và cấp xã, bảo đảm thống nhất, kết nối liên thông, đồng bộ.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh, gắn với việc tuyển dụng, bố trí, sử dụng, cơ cấu đội ngũ cán bộ theo vị trí việc làm đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chủ động đẩy mạnh tham gia thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ nước ngoài và các đối tác quốc tế cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, chuyển giao công nghệ thông tin.

- Chú trọng xây dựng các chương trình, dự án hợp tác trong các lĩnh vực nông nghiệp, thương mại, y tế, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình phát triển của địa phương. Tổ chức tốt các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch trong nước và nước ngoài. Tổ chức dịch thuật các tài liệu giới thiệu về tỉnh, các dự án kêu gọi đầu tư, danh mục các dự án kêu gọi đầu tư để phục vụ cho công tác xúc tiến và quảng bá về tỉnh. Tích cực tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế dưới hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến để tìm các cơ hội hợp tác với bên ngoài phục vụ công tác xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch.

V- KIẾN NGHỊ CÁC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG

1. Tiếp tục quan tâm hoàn thiện pháp luật liên quan đến khởi nghiệp, sáng tạo, trí tuệ nhân tạo, công nghệ số; xây dựng cơ chế quản lý mới phù hợp với môi trường số và mô hình tiên tiến của thế giới. Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút, sử dụng nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao. Nâng cao chất

lượng công tác ban hành văn bản pháp luật, đảm bảo tính ổn định của cả hệ thống pháp luật và trong từng lĩnh vực pháp luật cụ thể nhằm tạo cơ sở pháp lý ổn định trong công tác quản lý nhà nước về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo điều kiện để nhân dân, doanh nghiệp tiếp cận, tìm hiểu và thực thi pháp luật một cách ổn định, thống nhất.

2. Ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia làm nền tảng cho việc ứng dụng và phát triển các công nghệ cốt lõi của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; hoàn thiện mô hình và cơ chế, chính sách để tạo sự phát triển đột phá đối với các khu công nghệ cao.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng (HN, TPHCM),
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Các Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các ban đảng, BCS đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, UBMTTQ, đoàn thể tỉnh,
- Cấp ủy các huyện và tương đương,
- Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy (TH),
- Phòng Tổng hợp,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Võ Văn Bình